

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 19/4/2018  
V/v “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lê Thị N. Y

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Phạm Thị N.

2. Ông Nguyễn Thanh T.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Quang Minh N là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:***

Ông: Nguyễn Trung T1 - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh S.

Bị đơn: Chị Trần Thị C, sinh năm 1973;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp R, xã L, huyện H, tỉnh B.  
(anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị C có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau vào năm 1995, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã, tình cảm không còn, nên nay anh yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 03 người con chung tên: Nguyễn Gia T1, sinh năm 1996, Nguyễn Gia Thi, sinh năm 1998 và Nguyễn Gia T2, sinh năm 2006 hiện đang sống với chị C. Khi ly hôn anh đồng ý giao Nguyễn Gia T2, sinh ngày 02/9/2006 cho chị C nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Chị Trần Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: Chị thống nhất với lời trình bày của anh T, chị yêu cầu được nuôi con chung và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không đặt ra xem xét

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị C là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia T2, sinh ngày 02/9/2006 cho chị Trần Thị C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị C có địa chỉ cư trú tại xã L, huyện H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 T hành xét xử vắng mặt anh T.

Nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995 anh T và chị C tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ theo khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Do vậy, anh T yêu cầu ly hôn, không xử cho anh chị ly hôn mà tuyên bố không công nhận anh chị là vợ chồng.

[2] Về con chung: Anh T và chị C thống nhất thỏa thuận giao Nguyễn Gia T2, sinh ngày 02/9/2006 cho chị C nuôi dưỡng nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 300.000đ, anh T đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011006 ngày 12/3/2018 được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia T2, sinh ngày 02/9/2006 cho chị Trần Thị C tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 300.000đ, anh T đã dự nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011006 ngày 12/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Chi Cục THA.DS huyện H;

- Các đương sự;
- Lưu.

**Lê Thị N. Y**









